TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/5/2019
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trình.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đoàn Văn L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 1, p V, t t Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Chị **Hà Thị Thúy H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 1, p V, t t Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn Kh- SN 1940

Bà Nguyễn Thị H – SN 1941

Đều trú tại: X B- xã V M- huyện Th S- tỉnh Phú Thọ.

(Anh L có mặt, chị H vắng mặt, ông Kh, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Đoàn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 anh Lâm kết hôn với chị Hà Thị Thúy H có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng tại thị trấn Thanh Sơn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn mười năm. Đến cuối năm 2017 đầu năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do chị H có mối quan hệ bên ngoài không chung thủy với anh L, vợ chồng nghi ngờ tình cảm, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Vợ chồng đang sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị H để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Quốc B, sinh ngày 26/10/2009 và cháu Đoàn Anh Th, sinh ngày 12/02/2011, hiện hai cháu đang ở cùng với anh L. Ly hôn anh L xin tiếp tục được nuôi 02 con chung đến khi các cháu thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H yêu cầu anh trả lại tư trang riêng của chị là 01 cây vàng 9999, anh đồng ý.

* *Bị đơn chị Hà Thị Thúy H* không có mặt tại phiên tòa, nhưng đã thể hiện quan điểm tại bản tự khai, biên bản hòa giải như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như anh L trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được mười năm, thì đến cuối năm 2017 đầu năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, lý do vợ chồng nghi ngờ tình cảm của nhau. Nay chị H cũng xác định tình cảm với anh L không còn, nên chị nhất trí ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh L đã kê khai trên, hiện hai cháu đang ở với anh L. Vì điều kiện công việc đi làm xa không có thời gian để chăm sóc nuôi con nên chị H nhất trí để anh L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng có xây dựng được căn nhà 3 tầng, tại Phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, trên diện tích đất bố chồng cho mượn để vợ chồng làm nhà. Tại Biên bản hòa giải ngày 27/3/2019, chị H yêu cầu chia tài sản chung. Ngày 28/3/2019, chị H thay đổi quan điểm, không yêu cầu chia tài sản chung, chị để lại toàn bộ cho 02 con chung là Đoàn Quốc B và Đoàn Anh Th.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị H trình bày không có nên ly hôn chị không có đề nghị gì.

Về tài sản riêng: Khi cưới chị H có tư trang riêng là 01 cây vàng 9999, chị đã đưa cho anh L, ly hôn chị yêu cầu anh L trả lại chị.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có ý kiến tại bản tự khai như sau: Năm 2008 con trai ông bà là anh Đoàn Văn L kết hôn với chị Hà Thị Thúy H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L ở chung với vợ chồng ông. Đầu năm 2009, vợ chồng ông làm nhà 03 tầng trên đất của ông tại tổ 1, Phố Vàng, TT Thanh Sơn, vợ chồng ông và vợ chồng anh L cùng ở tại ngôi nhà đó. Do mâu thuẫn, vợ chồng anh L, chị H làm đơn xin ly hôn ông không có ý kiến gì. Riêng về ngôi nhà 03 tầng chị H kê khai tại Tòa án là tài sản chung của vợ chồng chị là không đúng vì vợ chồng ông đầu tư toàn bộ tiền để xây dựng nhà, thời gian đó vợ chồng anh L, chị H mới kết hôn, không đóng góp gì nên không có quyền lợi gì đối với căn nhà đó. Ông bà không yêu cầu giải quyết về khối tài sản đó.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát*:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70 của BLTTDS. Bị đơn chị Hoàn thực hiện không nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 55, 59, 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn L. Đề nghị cho anh Đoàn Văn L được ly hôn chị Hà Thị Thúy H. Về con chung: Giao cháu Đoàn Quốc B, sinh ngày 26/10/2009 và cháu Đoàn Anh Th, sinh ngày 12/02/2011 cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Buộc anh Đoàn Văn L trả cho chị Hà Thị Thúy H 01 cây vàng 9999 là tài sản riêng của chị H. Trị giá vàng tính tại thời điểm sơ thẩm.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Anh L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đoàn Văn L và chị Hà Thị Thúy H đều đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại Tổ 1, phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Chị H được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt . Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Văn L và chị Hà Thị Thúy H là hợp pháp, thể hiện tại đăng ký kết hôn số: 54, quyển số 01 năm 2008. Do vợ chồng bất đồng quan điểm về tình cảm, về việc nuôi dạy con cái, về việc xây dựng kinh tế chung nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2017 đầu năm 2018 mà cả hai bên không thể tự khắc phục được. Anh L và chị H đều xác nhận vợ chồng không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sự thừa nhận của các đương sự và các tài liệu do tòa án tiến hành thu thập đã chứng minh tình trạng hôn nhân thực tế của anh L, chị H đã không tồn tại từ đầu năm 2018 cho đến nay. Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, anh L chị H đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh L và chị H phù hợp qui định tại Điều 55- Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quan hệ con chung: Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, anh L đều có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, Chị H đồng ý với quan điểm của anh L (BL28+32) do chị phải đi làm ăn xa. Sự thỏa thuận thống nhất về nuôi con chung của anh L, chị H phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Quốc B và Anh Th. Do vậy HĐXX cần ghi nhận sự thỏa thuận đó của anh L chị H. Giao cho anh Đoàn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Quốc B- SN 26/10/2009 và cháu Đoàn Anh Th- SN 12/02/2011 kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi các cháu thành niên, tự lực được, là có căn cứ qui định tại khoản 1+2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Anh L tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung theo qui định của pháp luật.

[4] Quan hệ tài sản :

-Về ngôi nhà 03 tầng làm trên đất của vợ chồng ông Đoàn Văn Kh, chị H cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng: Quá trình tố tụng tại Tòa án chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh vợ chồng anh chị xây dựng ngôi nhà đó. Phía Nguyên đơn(anh L) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan(ông Đoàn Văn Kh, bà Nguyễn Thị H) phản bác ý kiến của chị H và chứng minh ngôi nhà 03 tầng tại tổ 1, Phố Vàng, TT Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, do vợ chồng ông Khấu xây dựng trên đất của ông bà gồm tác tài liệu chứng cứ sau: Tháng 6/2008 anh L, chị H mới kết hôn, ở

chung với bố mẹ anh L, chưa có tài sản gì. Tháng 3/2009, vợ chồng ông Đoàn Văn Kh xây nhà và làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc thi công xây dựng nhà như, Giấy phép xây dựng, Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở, Hợp đồng mua vật liệu xây dựng. (BL01,02,03,04,05,06). Tại đơn đề ngày 28/3/2019(BL27-28), chị H có ý kiến không yêu cầu chia tài sản, chị chỉ yêu cầu anh L trả lại chị 01 cây vàng 9999. Anh L và ông Kh, bà H không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về yêu cầu của chị H đòi anh L trả 01 cây vàng 9999(10 chỉ), anh L đồng ý trả cho chị H. Theo báo giá của Doanh nghiệp vàng bạc Nga Đường tại tổ 1, Phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, giá vàng 9999 ngày 29/5/2019 = 3.690.000đ/chỉ x 10 chỉ = 36.900.000đ.

[5]. Về nợ chung, công sức đóng góp: Anh L và chị H đều xác nhận vợ chồng không có.

[6] Về án phí: Anh L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình , án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 1+2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273- BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Văn L và chị Hà Thị Thúy H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đoàn Văn L và chị Hà Thị Thúy H về việc nuôi con chung như sau: Giao cháu Đoàn Quốc B, sinh ngày 26/10/2009 và cháu Đoàn Anh Th, sinh ngày 12/02/2011 cho anh Đoàn Văn L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 5 năm 2019 đến khi các cháu thành niên, tự lực được. Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị Hà Thị Thúy H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản riêng: Anh Đoàn Văn L tự nguyện trả cho chị H 01(một) cây vàng (10 chỉ vàng 9999) trị giá 36.900.000đ(Ba mươi sáu triệu, chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(chị Hà Thị Thúy H) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành(anh Đoàn Văn L), còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357- BLDS 2015

3. Về án phí: Anh Đoàn Văn L phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình, và 1.845.000(Một triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0001648 ngày 21/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn Thanh Sơn- huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ,để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy